

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 559/2020/TLST-HNGĐ ngày 13/11/2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975; địa chỉ: đường P, phường Phú Hiệp, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

2. Bà Lê Thị Đoan C, sinh năm 1978; địa chỉ: đường D, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Đoan C có đăng ký kết hôn tại UBND phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H vào ngày 21/11/2003. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, không chia sẻ được cuộc sống với nhau. Hiện nay, vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm nhau nữa. Nay vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông T và bà C không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông T và bà C được ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Đoan C xác nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung:

1. Nguyễn Lê Hải B, sinh ngày 22/02/2004;

2. Nguyễn Lê Bảo N, sinh ngày 10/10/2010;

Vợ chồng tự nguyện thỏa thuận: Giao 02 cháu Nguyễn Lê Hải B, Nguyễn Lê Bảo N cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. giáo dục đến đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà C không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Đoan C xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Đoan C mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, ông T và bà C đã nộp tạm ứng lệ phí là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số AA/2016/0000639 ngày 02/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Đoan C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Đoan C xác nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung:

1. Nguyễn Lê Hải B, sinh ngày 22/02/2004;

2. Nguyễn Lê Bảo N, sinh ngày 10/10/2010;

Vợ chồng tự nguyện thỏa thuận: Giao 02 cháu Nguyễn Lê Hải B, Nguyễn Lê Bảo N cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. giáo dục đến đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà C không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Đoan C xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Đoan C mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, ông T và bà C đã nộp tạm ứng lệ phí là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số AA/2016/0000639 ngày 02/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSNDTP H;
- THATP H;
- TAND Tỉnh TTH;
- UBND phường X, thành phố H (tại số 99, quyền số 01/2003);
- Lưu.

THẨM PHÁN

Tôn Minh Hiền